

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Quận

2. Ông Bùi Hoàng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 3 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. **Ng đơn:** Chị Lý Thanh T, sinh năm 1989 “vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1981 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 12/3/2024 Ng đơn chị Lý Thanh T trình bày: Chị và bị đơn anh Lê Văn L kết hôn vào ngày 06/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì anh L nhiều lần chửi và đuổi chị đi nhưng vì con nên chị cố gắng ở lại. Đến đầu năm 2024 anh L vẫn không thay đổi, cụ thể vào ngày 05/01/2024 (tết Ng đáng)

anh L lại đuổi chị không cho về nhà đến nay. Hiện tại chị xác định tình cảm không còn yêu cầu ly hôn với anh L.

Con chung có 02 người là Lê Thị T Ng, sinh ngày 29/9/2009 và Lê Anh H, sinh ngày 17/7/2011 hiện đang sống chung với anh L. Ly hôn chị để anh L tiếp tục nuôi chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi người là 1.000.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2024 bị đơn anh Lê Văn L trình bày: Thời gian kết hôn như quá trình chung sống như chị Lý Thanh T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi qua lại. Đến đầu năm 2023 thì anh có lời nói không đúng là không làm gì thì đi khỏi nhà nên vợ đã về nhà cha mẹ vợ sống cho đến nay. Anh vẫn còn thương vợ, nhưng vợ cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Con chung như chị T trình bày nếu ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi và đồng ý để chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi người là 1.000.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thanh T.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lý Thanh T ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Lê Thị Thảo Ng, sinh ngày 29/9/2009 và Lê Anh H, sinh ngày 17/7/2011 cho anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. chị Lý Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/ người con đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị T nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: chị Lý Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn L, có địa chỉ ấp H, xã X, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Ng đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Ng đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lý Thanh T và anh Lê Văn L kết hôn vào ngày 06/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 107 ngày 06/16/2008 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày chị T và anh L đều cho rằng sau khi kết hôn đến 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, anh L có đuổi chị T ra khỏi nhà nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T ở đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh L yêu cầu ly hôn anh L cũng đồng ý, xét thấy lời trình bày của chị T và anh L cũng phù hợp với biên bản thu thập chứng cứ của Tòa án. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị T và anh L thỏa thuận để anh L tiếp tục nuôi 02 con chung Lê Thị Thảo Ng, sinh ngày 29/9/2009 và Lê Anh H, sinh ngày 17/7/2011. Chị Lý Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/người con đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi nên ghi nhận, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2024).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều

27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn chị Lý Thanh T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Lý Thanh T được ly hôn với anh Lê Văn L

2. Về con chung:

Tiếp tục giao hai con chung Lê Thị Thảo Ng, sinh ngày 29/9/2009 và Lê Anh H, sinh ngày 17/7/2011 cho anh Lê Văn L trực tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lý Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/người con đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

Thời gian cấp dưỡng từ ngày 21/6/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lý Thanh T nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011154 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc chị Lý Thanh T phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ng đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
 - Thi hành án dân sự huyện T;
 - Ủy ban nhân dân xã X;
- (Giấy kết hôn số: 107 ngày 06/16/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong